

LỜI BÀN CỦA GIÁO DÂN KHÁT KHAO CHÂN LÝ

Nếu ai không cảm thấy băn khoăn hay thắc mắc khi đọc Kinh Thánh thì một là tự dối mình, hai là quá cuồng nhiệt đến độ não bộ mất khả năng phán đoán sự việc.

BÀN LUẬN:

Dường như người đưa ra nhận định trên tự xem mình là một “giáo dân khát khao chân lý”, bởi cho rằng việc cảm thấy băn khoăn, thắc mắc khi đọc Kinh Thánh là dấu hiệu của sự thành thật, còn sự bình an tĩnh lặng không chất vấn đồng nghĩa với hoặc tự dối mình, hoặc rơi vào cuồng nhiệt đến mức đánh mất khả năng phán đoán. Theo cách nhìn ấy, chỉ những ai thường xuyên nghi vấn mới được xem là tỉnh táo, não bộ còn làm việc.

Tuy nhiên, chỉ cần xét kỹ cách đặt vấn đề và lối lập luận, có thể nhận thấy đây không phải là một sự tự vấn thực sự, mà là một kết luận đã được xác tín sẵn. Phán đoán thiếu cơ sở và có phần quy chụp này làm tối giản thực tế phong phú của đời sống tinh thần. Thực tế cho thấy đời sống đức tin không thể bị thu hẹp vào hai thái cực đối lập. Có người suy tư âm thầm nhưng sâu sắc; có người sống đức tin trong sự bình an nội tâm mà không nhất thiết phải luôn chất vấn thành lời; và cũng có những người đi qua các giai đoạn khủng hoảng, nghi vấn để đạt tới một xác tín trưởng thành và vững vàng hơn.

Nho giáo chỉ ra rằng “tâm chi quan tắc tư” (心之官则思) – chức năng của tâm là suy nghĩ. Nghĩ là năng lực tư duy và phản tỉnh là một thuộc tính phổ quát của nhân loại, không thể bị độc quyền bởi một thái độ đức tin hay nghi vấn cụ thể.

Vì vậy chỉ cần nhìn vào cách đặt vấn đề và lập luận được trình bày, người đọc có thể nhận ra người giáo dân ấy không thể hiện một thái độ thực sự băn khoăn hay truy vấn. Trái lại, dễ thấy rằng người ấy dường như đã xác tín mạnh mẽ vào kết luận của mình từ trước, đến mức biến một nhận định chủ quan thành một phán quyết áp đặt lên tất cả những người đọc Kinh Thánh khác. Chính sự chắc chắn ấy mới là điều nổi bật trong phát biểu này, chứ không phải tinh thần cởi mở của một người đang đi tìm câu trả lời.

A. “Nếu ai không cảm thấy băn khoăn hay thắc mắc khi đọc Kinh Thánh thì một là..., hai là...”

Lập luận này có cấu trúc logic là một ngụy biện lưỡng phân (false dichotomy), tức là cách suy nghĩ hạn hẹp khi cho rằng một vấn đề phức tạp có thể dễ dàng được chia thành hai lựa chọn đối lập tuyệt đối, như “đúng hoặc sai”, “tốt hoặc xấu”, bỏ qua các khả năng trung gian. Đây là một trong những ngụy biện phổ biến vì nó đơn giản hóa quá mức thực tế (https://en.wikipedia.org/wiki/False_dilemma). Người nói chỉ đưa ra hai khả năng, trong khi thực tế còn nhiều khả năng khác.

1. Đây là một khẳng định tuyệt đối không có bằng chứng

Người đưa ra nhận định này không chứng minh rằng mọi người không thắc mắc khi đọc Kinh Thánh đều thuộc một trong hai nhóm trên. Nhưng nhận định này rõ ràng là thiên kiến, một chiều. Ví dụ:

- Một tín hữu bình thường có thể không băn khoăn về một đoạn Kinh Thánh vì họ tin tưởng vào cách giải thích của Giáo Hội hoặc cộng đoàn đức tin của mình.
- Một người đơn sơ có thể tiếp nhận bản văn mà không cảm thấy mâu thuẫn nào đáng kể.

Không có cơ sở nào để kết luận rằng những người này đang tự dối mình hoặc mất khả năng phán đoán.

2. Kinh Thánh cho thấy đức tin và sự đơn sơ không đồng nghĩa với ngu muội

Đức Giêsu nói: “Phúc cho những ai không thấy mà tin”.

Điều này không có nghĩa là từ bỏ lý trí, nhưng cho thấy có những trường hợp con người đặt niềm tin vào Thiên Chúa mà không nhất thiết phải trải qua khủng hoảng nghi ngờ sâu sắc.

Nhiều vị thánh trong lịch sử có những giai đoạn chất vấn, nhưng cũng có nhiều người sống đức tin đơn sơ và vững vàng. Ví dụ:

- Thánh Têrêsa Hài Đồng Giêsu không nổi tiếng vì các cuộc tranh luận triết học mà vì lòng tin thác đơn sơ.
- Chân phước Carlo Acutis có đời sống đức tin rất tự nhiên và xác tín.

Không ai có thể nói các ngài “mất khả năng phán đoán”. Nếu sự hiện diện của đức tin là dấu hiệu của việc đánh mất khả năng phán đoán, thì thật khó giải thích vì sao những bộ óc xuất chúng như Pascal, Newton, Faraday, Maxwell hay Pasteur vẫn giữ niềm tin tôn giáo trong khi năng lực lý luận của họ được cả thế giới công nhận.

3. Thắc mắc không phải là tiêu chuẩn duy nhất của tư duy

Lập luận của người này ngầm giả định:

- Có thắc mắc = biết suy nghĩ.
- Không thắc mắc = không biết suy nghĩ.

Điều này sai về mặt logic. Ví dụ một nhà toán học khi nhìn thấy phép tính: $2 + 2 = 4$ họ không thắc mắc, không phải vì mất khả năng suy nghĩ, mà vì họ hiểu vấn đề quá rõ. Tương tự, một người có thể đọc một đoạn Kinh Thánh và không thấy băn khoăn vì họ đã hiểu cách giải thích hoặc đã suy nghĩ về nó từ lâu.

4. Chính người đưa ra lập luận đang phạm lỗi phán xét động cơ

Người “giáo dân khát khao chân lý” đã gán động cơ và trạng thái tâm lý cho người khác mà không có bằng chứng khi nói: “Ai không cảm thấy băn khoăn hay thắc mắc khi đọc Kinh Thánh thì một là tự dối mình, hai là quá cuồng nhiệt đến độ não bộ mất khả năng phán đoán sự việc”. Nói một cách đơn giản là “suy bụng ta ra bụng người”. Ví dụ tương tự:

- Ai không nghi ngờ dân chủ đều bị tẩy não.
- Ai không nghi ngờ khoa học đều mất khả năng tư duy.

Những câu này đều thiếu cơ sở vì không thể biết tình trạng nhận thức của từng cá nhân.

5. Ngay trong Kinh Thánh, đức tin không luôn đi qua con đường nghi ngờ

Có những nhân vật đặt câu hỏi với Thiên Chúa như Abraham, Môsê, Gióp, v.v., nhưng cũng có những nhân vật nổi bật vì sự vâng phục và tín thác:

- Đức Maria thưa “Xin vâng”.
- Thánh Giuse âm thầm thực hiện điều Thiên Chúa truyền dạy.
- Viên đại đội trưởng ở Ca-phác-na-um tin vào lời Đức Giêsu.
- Nhiều môn đệ đi theo Đức Giêsu với niềm tin đơn sơ.

Kinh Thánh không hề dạy rằng mọi tín hữu chân chính đều phải trải qua cùng một mức độ hoài nghi.

B. “Con người chỉ là một cây sậy, loài yếu đuối nhất trong tự nhiên; nhưng đó là một cây sậy biết suy nghĩ”. (“L’homme n’est qu’un roseau, le plus faible de la nature; mais c’est un roseau pensant.”)

Như Pascal từng nhận xét, con người là một “cây sậy biết suy nghĩ”. Thân phận con người mong manh như cây sậy trước gió, nhưng chính khả năng suy nghĩ lại làm nên phẩm giá cao nhất của nó. Nhờ tư duy, con người không ngừng đặt câu hỏi, truy vấn và tìm kiếm chân lý.

Từ nhận định ấy, việc xuất hiện những băn khoăn hay thắc mắc khi đọc một văn bản tôn giáo là điều hoàn toàn tự nhiên. Tuy nhiên, không thể từ đó suy ra rằng mọi người nhất thiết phải băn khoăn theo cùng một cách, càng không thể kết luận rằng ai không chia sẻ với người khác những thắc mắc ấy thì một là đang tự dối mình, hai là đã mất khả năng phán đoán.

1. Tôn trọng sự đa dạng trong cách suy nghĩ

Nếu băn khoăn và thắc mắc là biểu hiện của năng lực tư duy – phẩm giá của “cây sậy biết suy nghĩ” – thì chính việc tôn trọng sự đa dạng trong cách suy nghĩ mới là hệ quả hợp lý của nhận định ấy.

Con người không được tạo dựng theo một khuôn mẫu tư duy duy nhất. Vì thế, việc quy kết mọi quan điểm khác mình vào hai cực tiêu cực là thiếu công bằng với sự phong phú của trí tuệ nhân loại. Có người suy tư bằng chất vấn trực tiếp, có người chiêm nghiệm trong tĩnh lặng, có người đi qua lý trí phân tích, và cũng có người sống đức tin trong sự bình an nội tâm.

2. Nhu cầu đặt câu hỏi – bản năng trí tuệ của con người

Từ thuở con người biết ngược nhìn bầu trời, lắng nghe tiếng gió hay quan sát một chiếc lá rơi, nhu cầu đặt câu hỏi đã trở thành một phần tự nhiên của đời sống trí tuệ. Con người

không chỉ sống bằng những gì hiển nhiên trước mắt, mà còn sống bằng sự tò mò, bằng khát vọng truy tìm nguyên nhân và ý nghĩa phía sau mọi hiện tượng, để tiến dần đến các giá trị vĩnh cửu. Vì thế, bản khoả không phải là dấu hiệu bất ổn hay vượt trội hơn người khác, mà là biểu hiện của một tâm trí đang vận động và tìm kiếm sự thật.

3. Trẻ thơ – hình ảnh nguyên sơ của tư duy đặt câu hỏi

Ở trẻ thơ, điều này càng rõ rệt hơn. Những câu hỏi như “tại sao bầu trời xanh?”, “vì sao mưa rơi?”, “ai tạo ra thế giới?” xuất hiện một cách tự nhiên và liên tục.

Trẻ em không đặt câu hỏi vì hoài nghi tiêu cực, mà vì các em đang cố gắng hiểu một thế giới rộng lớn hơn mình. Đó chính là nền tảng đầu tiên của tư duy nhân loại: từ thắc mắc mà đi đến nhận thức, từ nhận thức mà dẫn đến trưởng thành.

4. Kinh Thánh: Đức tin đi qua bản khoả và đối thoại

Trong Kinh Thánh, các nhân vật Cựu Ước không phải là những con người luôn hiểu ngay ý định của Thiên Chúa. Abraham đã bản khoả khi rời bỏ quê hương; Môsê nhiều lần lưỡng lự trước sứ mạng giải phóng dân Israel; ngôn sứ Giêrêmia từng than phiền về gánh nặng ơn gọi. Những con người ấy không thiếu đức tin, nhưng đức tin của họ đi qua chất liệu rất người: hoang mang, chất vấn và đối thoại với Thiên Chúa. Chính trong tiến trình đó, niềm tin được thanh luyện và trưởng thành.

Bước sang Tân Ước, hình ảnh các môn đệ cho thấy rõ sự mong manh của đức tin. Họ ở rất gần Thầy mình nhưng vẫn nhiều lần hiểu sai, sợ hãi, thậm chí chối bỏ. Điều đó cho thấy đức tin không phải là trạng thái hoàn hảo ngay lập tức, mà là một hành trình dài: vừa tin vừa tìm hiểu, vừa bước đi vừa học cách hiểu sâu hơn điều mình tin. Tin không phải là điểm đến cố định, mà là một tiến trình sống động.

5. Truyền thống Hội Thánh: bản khoả như con đường dẫn đến xác tín

Lịch sử Hội Thánh cũng ghi nhận nhiều vị thánh đã đi qua những vùng tối của thắc mắc để đạt đến ánh sáng của xác tín.

Thánh Augustinô trải qua dằn vặt nội tâm sâu sắc trước khi tìm thấy bình an nơi Thiên Chúa. Thánh Tôma Aquinô không ngại đặt câu hỏi và hệ thống hóa đức tin bằng lý trí sắc bén. Thánh Têrêsa Avila và Thánh Gio-an Thánh Giá cũng kinh nghiệm “đêm tối đức tin”, nơi mọi hiểu biết cũ bị thách đố để dẫn đến một kết hiệp sâu xa hơn.

6. Không phải mọi bản khoả đều phải biểu lộ giống nhau

Vì thế, nếu lo rằng con người không còn bản khoả khi đọc Kinh Thánh thì đôi khi giống như “lo bò trắng răng”. Bản khoả khi tiếp cận Thánh Kinh là hiện tượng tự nhiên, vì con người vốn được dựng nên để tìm kiếm ý nghĩa.

Tuy nhiên, không phải ai cũng biểu hiện bản khoả theo cùng một cách, và cũng không phải mọi người đều phải đặt câu hỏi ra bên ngoài. Có người suy tư âm thầm nhưng sâu sắc; có người sống đức tin bình an; có người trải qua khủng hoảng rồi mới đạt xác tín trưởng thành.

Từ đó, đặt vấn đề rằng không băn khoăn thì một là tự dối mình, hai là cuồng nhiệt đến mức mất khả năng phán đoán là một suy luận có phần cực đoan và thiếu phân tích.

Con người đa dạng trong cách tiếp cận chân lý. Có người đi qua chất vấn, có người đi qua chiêm niệm, có người đi qua thử thách, và cũng có người đi qua bình an nội tâm ngay từ đầu. Không thể giản lược tất cả thành một khuôn đánh giá duy nhất.

7. Cách đối diện với băn khoăn: từ câu hỏi đến sự trưởng thành

Quan trọng hơn việc có băn khoăn hay không là cách con người đối diện và giải quyết những băn khoăn của mình. Trong lịch sử tri thức, nhiều khám phá lớn bắt đầu từ những câu hỏi đơn giản. Khi nhìn thấy trái táo rơi, Newton không dừng lại ở thắc mắc mà đi đến một hệ thống giải thích có tính khoa học.

Trong đời sống đức tin cũng vậy, Đức Maria – Mẹ của các Kitô hữu – đã đi qua những điều vượt quá hiểu biết tự nhiên. Nhưng thay vì khước từ, Mẹ chọn thái độ “xin vâng”, suy niệm trong lòng và trung thành bước đi trong thinh lặng dưới chân Thánh Giá.

C. Thuật ngữ “thắc mắc” hay “băn khoăn”:

Trong giao tiếp hằng ngày, hai từ “thắc mắc” và “băn khoăn” thường được sử dụng khá linh hoạt, thậm chí đôi khi bị dùng thay thế cho nhau. Tuy nhiên, xét về ý nghĩa sâu xa, hai từ này không hoàn toàn giống nhau. Mỗi từ phản ánh một trạng thái tâm lý khác nhau của con người: một bên thiên về nhận thức, một bên thiên về cảm xúc và sự lựa chọn.

1. “Thắc mắc” – Trạng thái chưa hiểu và cần được giải đáp

“Thắc mắc” là trạng thái khi con người cảm thấy chưa hiểu rõ hoặc chưa thông suốt về một vấn đề cụ thể. Đây là một nhu cầu nhận thức rất tự nhiên, xuất phát từ việc con người luôn muốn hiểu rõ sự vật, hiện tượng xung quanh.

Về bản chất, thắc mắc gắn liền với tư duy lý trí. Khi có thắc mắc, con người thường đặt câu hỏi để tìm kiếm lời giải đáp, nhằm làm sáng tỏ vấn đề đang còn mơ hồ. Mục đích của thắc mắc vì thế rất rõ ràng: tìm kiếm thông tin, hiểu biết hoặc tranh luận để đi đến chân lý.

Ví dụ: “Tôi có thắc mắc về cách tính điểm trong học kỳ này.”

Câu nói này thể hiện mong muốn được giải thích rõ ràng một vấn đề kỹ thuật cụ thể. Có thể nói, thắc mắc là bước khởi đầu của tri thức, vì nó thúc đẩy con người học hỏi và tìm hiểu sâu hơn.

2. “Băn khoăn” – Trạng thái phân vân và không yên lòng

Khác với thắc mắc, “băn khoăn” là trạng thái tâm lý mang tính cảm xúc nhiều hơn. Đây là cảm giác không yên lòng, suy nghĩ nhiều, phân vân hoặc do dự khi phải lựa chọn giữa nhiều phương án.

Về bản chất, băn khoăn không chỉ là chưa biết, mà có thể là biết nhiều, hoặc biết không rõ, nên chưa quyết định được. Con người rơi vào trạng thái này khi đứng trước những lựa chọn quan trọng và chưa biết nên đi theo hướng nào.

Mục đích của bản thảo không phải là tìm câu trả lời đúng sai đơn thuần, mà là cân nhắc thiệt hơn, đúng sai, lợi ích và hậu quả. Ví dụ: “Cô ấy rất bản thảo không biết nên nhận lời đi làm xa hay ở lại gần gia đình.”

Ở đây không chỉ có câu hỏi về thông tin, mà còn có sự giằng co giữa tình cảm, trách nhiệm và tương lai. Bản thảo vì thế mang nặng tính cảm xúc: lo lắng, trăn trở và đắn đo.

3. Sự khác biệt cốt lõi giữa “thắc mắc” và “bản thảo”

Có thể tóm lại sự khác biệt giữa hai khái niệm này như sau:

- Thắc mắc là vấn đề về nhận thức: chưa hiểu nên cần hỏi.
- Bản thảo là vấn đề về tâm lý: phân vân khi phải lựa chọn.

Nếu thắc mắc hướng con người đến việc tìm kiếm sự hiểu biết, thì bản thảo lại phản ánh sự giằng co nội tâm giữa các quyết định khác nhau. Nói cách khác, thắc mắc thuộc về “trí tuệ”, còn bản thảo thuộc về “tâm hồn”.

4. Mối liên hệ và sự giao thoa giữa hai khái niệm

Dù khác nhau, thắc mắc và bản thảo đôi khi vẫn có sự giao thoa trong thực tế. Có những trường hợp con người vừa chưa hiểu rõ vấn đề (thắc mắc), vừa chưa biết nên chọn lựa thế nào (bản thảo).

Trong giao tiếp hằng ngày, hai từ này cũng có thể được sử dụng thay thế nhau ở mức độ nhất định, đặc biệt khi nói về sự chưa rõ ràng trong suy nghĩ. Tuy nhiên, nếu sử dụng chính xác, lời nói sẽ trở nên rõ ràng và tinh tế hơn.

D. Những thắc mắc, bản thảo người ‘giáo dân khát khao chân lý’ đặt ra:

Xin trích nguyên văn những câu hỏi người ‘giáo dân khát khao chân lý’ đã gửi cho Ban Biên Tập. Đa số những câu này đã được trả lời, nhưng ‘uốn câu sao cho vừa miệng cá’. Ban Biên Tập sẽ xem xét lại một số câu trả lời và hy vọng sẽ cung cấp một số kiến thức rộng hơn các câu hỏi cho độc giả.

Lý do là bài viết dưới đây của người ‘giáo dân khát khao chân lý’ được trình bày như một chuỗi câu hỏi nhằm tìm kiếm chân lý, nhưng đọc kỹ sẽ thấy nhiều câu hỏi đã được đặt trong một khuôn khổ kết luận có sẵn. Người viết không chỉ nêu những điểm cần giải thích mà còn liên tục xen vào các nhận định như: “mâu thuẫn không thể dung hòa”, “hoàn toàn bịa đặt”, “do trí tưởng tượng”, “nghe thần thoại quá”, “thiếu sót nhiều quá!”, hay “giáo hội ba phải”. Khi một câu hỏi đã hàm chứa sẵn phán quyết như vậy, mục đích của nó không còn đơn thuần là đối thoại để tìm hiểu, mà thiên về việc củng cố một kết luận đã có từ trước. Vì thế, việc trả lời từng câu cụ thể không phải chỉ là giải thích thắc mắc, mà điều cần thấy là cùng nhau tìm kiếm sự thật dù những câu hỏi mang nhiều định kiến.

NHỮNG CÂU HỎI CỦA NGƯỜI GIÁO DÂN KHÁT KHAO CHÂN LÝ

Đã là Kitô hữu khát khao chân lý thì đều bản thảo trước những mâu thuẫn không thể dung hòa trong Cựu và Tân Ước. Trước hết xin đơn cử một số trường hợp trong Cựu Ước:

1. Sau khi đập vỡ các Bia Lề Luật, có phải chính ông Môsê đã viết Mười Điều Răn trên những bia đá mới? Trong sách Xuất Hành thì ghi là chính ông Môsê (Xh 34,28: “Ông ở đó với Đức Chúa bốn mươi ngày bốn mươi đêm, không ăn không uống, và ông viết trên những bia các điều khoản của giao ước, tức là Thập Điều”) trong khi ở sách Đệ Nhị Luật thì lại là chính Đức Chúa (Đnl 10,4: “Người đã viết trên các bia điều đã viết lần trước, là mười lời Đức Chúa đã phán với anh em trên núi, từ trong đám lửa, trong ngày đại hội. Rồi Đức Chúa ban những bia đó cho tôi”)
2. Thiên Chúa đã truyền cho ông Nô-ê đem vào thuyền bao nhiêu cặp thú vật? Mỗi loài chỉ một cặp (St 6,19: “Trong mọi sinh vật, mọi xác phàm, người sẽ đưa vào tàu mỗi loại một đôi, để giữ cho chúng sống với người; phải có một con đực và một con cái”) hay bảy cặp cho các loài thanh sạch (St 7,2: “Trong mọi loài vật thanh sạch, người sẽ lấy bảy đôi, con đực và con cái, còn trong các loài vật không thanh sạch, thì một đôi, con đực và con cái”)?
3. Hoặc trường hợp này: khi ra khỏi Ai Cập, người Israel được giải phóng khỏi tình trạng nô lệ với sự đồng ý của Pharaon (Xh 13,17: “Khi Pharaon thả cho dân đi, Thiên Chúa không dẫn họ theo ngả đường xuyên qua xứ Philitinh, dù đường đó gần hơn, vì Thiên Chúa nói: “Khi thấy phải chiến đấu, dân có thể hối hận mà quay về Ai Cập”) hay họ trốn thoát (Xh 14,5): “Có tin báo cho vua Ai Cập là dân đã chạy trốn rồi”.
4. Theo sách Samuel cuốn thứ nhất, chính vị vua Đavít tương lai đã chạm trán và giết chết gã khổng lồ Gô-li-át bằng chiếc ná (1 Sm 17,23-50), trong khi đó sách Samuel cuốn thứ hai ghi lại rằng người giết gã khổng lồ Gô-li-át không phải là Đavít mà là ông En-khanan nào đó, và không phải bằng chiếc ná nhưng bằng ngọn giáo (2 Sm 21,19).
5. Hai trình thuật khác nhau về sáng tạo trong sách Sáng Thế Ký. Trong trình thuật ở chương 1, Thiên Chúa sáng tạo các thú vật trước hết rồi mới đến con người; người nam và người nữ được sáng tạo cùng lúc (St 1,25-27). Trình thuật ở chương 2 thì Thiên Chúa sáng tạo người nam đầu tiên, rồi đến thú vật và cuối cùng là đàn bà (St 2,18-19).

Bây giờ xin điểm qua Tân Ước.

Trước Đức Kitô hàng ngàn năm đã có những vị thần thánh - con trai đầu lòng - giáng trần do thần linh tác động đến các bà mẹ trần gian đồng trinh, nghĩa là thụ thai mà không qua giao hợp vợ chồng như người thường. Theo Encyclopedia Wikipedia ta có:

1. Horus (Ai Cập 3000 trước Công nguyên) mẹ là Isis, làm nhiều phép lạ, chết rồi sống lại lên trời, đồng bản tính với cha là thần Osiris

2. Attis (Hy Lạp 1200 trước Công nguyên) mẹ là Nana, làm nhiều phép lạ, chết rồi sống lại lên trời.
3. Krishna (Ấn Độ 900 trước Công nguyên) mẹ là Devaki, làm nhiều phép lạ, chết rồi sống lại lên trời.
4. Dionysus (Hy Lạp 500 trước Công nguyên) mẹ là Persephone mang thai bởi rắn thần, làm nhiều phép lạ, chết rồi sống lại lên trời.
5. Mithra (Iran 1200 trước Công nguyên) làm nhiều phép lạ, chết rồi sống lại, lên trời,
6. Buddha (Ấn Độ 500 trước Công nguyên) mẹ nằm mơ thấy một voi trắng 6 ngà chui vào bụng thể là mang thai Phật, xuất gia ở tuổi 29 về niết bàn ở tuổi 35.
7. Romulus (La Mã 771 trước Công nguyên) mẹ là Rhea Silvia, cha là thần Mars, sáng lập ra thành Rôma ngày nay, bị nghị viện giết, sống lại và được thần cha Mars đưa về thiên đàng.

Tổng quát mà nói thì Đức Kitô của chúng ta cũng có cuộc đời na ná như những thần thánh trên đây nghĩa là cũng sinh ra bởi mẹ là người phạm, cha là thần thánh, làm nhiều điều kỳ diệu, chết rồi sống lại và lên trời

Những khác biệt và mâu thuẫn trong 4 Phúc Âm.

Trước hết, ta biết rằng tác giả của 4 Phúc Âm đều vô danh cho tới cuối thế kỷ thứ nhất mới thấy tên tác giả của những cuốn thánh kinh này (Wikipedia). Những cuốn sách này không được viết ra do mắt thấy tai nghe nhưng chỉ do truyền khẩu như trong lời mở đầu của Phúc Âm Lu-ca (Lc 1,1-4) và được viết bằng tiếng Hy Lạp, thứ ngôn ngữ mà chỉ giới trí thức mới am tường. Nhân cách và hành động của Đức Kitô trong Phúc Âm Gio-an (Ga) khác hẳn với Đức Kitô trong Phúc Âm Nhất Lãm gồm Mác-cô (Mc), Lu-ca (Lc) và Mat-thêu (Mt).

Trong Gio-an:

Không có gia phả, không có sự kiện giáng sinh, không có rửa tội, không bị ma quỷ cám dỗ, không có bài giảng trên núi về 8 mối phúc thật, không dạy tông đồ kinh Lạy Cha, không có biến hình trên núi Ta-bo, không trừ quỷ bao giờ, không dùng dụ ngôn khi giảng dạy, phần lớn là Chúa nói nhiều về mình, đồng đặc tuyên bố mình là Đức Kitô tức là Đấng Cứu Thế (Ga 4,25-26) và là Thiên Chúa (Ga 10,30) trái với trong Nhất Lãm Chúa cấm các tông đồ không được tiết lộ với ai Ngài là Đức Kitô (Mt 16,20) trong Gio-an không lập phép thánh thể mà là rửa chân trong bữa tiệc ly, bữa tiệc ly và bị bắt xảy ra trước lễ Vượt Qua (Ga 13,1), chứ không phải chiều ngày lễ Vượt Qua như Nhất Lãm ghi (Mt 26,20-29; Mc 14,17-24; Lc 22,7-20), chọn 4 môn đệ đầu tiên là An-rê, Phê-rô, Phi-líp-phê và Na-tha-na-en trong một khung cảnh hoàn toàn khác (Ga 1,35-51) chứ không phải ở hồ Galilê Ngài đã chọn bốn môn đệ đầu tiên là An-rê, Phê-rô, Gia-cô-bê và Gio-an (Mt 4,18-22; Lc 5,1-11; Mc 1,16-20), theo Phúc Âm Gio-an thì Gio-an Tẩy Giả biết rất rõ Đức Kitô là ai vì ngoài sự kiện hai Ngài là anh em họ, chính ông Gio-an đã làm phép rửa cho Chúa, cho nên ông đã công khai

tuyên bố về Đức Kitô: “Hôm sau, ông Gio-an thấy Đức Giêsu tiến về phía mình, liền nói: “Đây là Chiên Thiên Chúa, đây Đấng xóa bỏ tội trần gian. Chính Người là Đấng tôi đã nói tới khi bảo rằng có người đến sau tôi, nhưng trội hơn tôi, vì có trước tôi.” (Ga 1,29-30). Nhưng trong Nhất Lãm, ông Gio-an lại tỏ vẻ nghi ngờ về Đức Kitô: “Ông Gio-an lúc ấy đang ngồi tù, nghe biết những việc Đức Kitô làm, liền sai môn đệ đến hỏi Người rằng: “Thưa Thầy, Thầy có thật là Đấng phải đến không, hay là chúng tôi còn phải đợi ai khác?” (Mt 11,2-3), trong Phúc Âm Gio-an ở vườn Ghết-sê-ma-ni, Chúa không cầu nguyện lần nào nhưng bình thần chờ bị bắt và cũng chẳng lo buồn đến toát mồ hôi máu và xin Chúa Cha cho khỏi phải uống chén đắng như trong Nhất Lãm ghi (Mc 14,32-42; Lc 22,39-46; Mt 26,36-46), không cần Giuđa tới hôn nhưng tự đối diện với quân dữ để bị bắt (Ga 18,1-9), đối đáp thật nhiều ở dinh Cai-pha và Phi-la-tô chứ không im lặng như Nhất Lãm mô tả, không bị điệu qua Hê-rô-đê, tự vác lấy thánh giá lên đồi Sọ (Ga 19,17) chứ không nhờ Simon vác đỡ (Mt 27,32; Mc 15,21; Lc 23,26), trên thánh giá Chúa vẫn bình thần trấn tĩnh Đức Mẹ cho Gio-an, kêu khát rồi nói: “Thế là đã xong”, rồi tắt thở (Ga 19,25-30), chứ không yếu đuối bi lụy như trong Nhất Lãm: “Lạy Chúa, lạy Chúa, sao Ngài bỏ rơi con?” (Mc 15,34; Mt 27,46), chôn trong mộ ở trong vườn (Ga 19,41) chứ không phải mộ đục trong núi đá như trong Nhất Lãm (Mt 27,60; Mc 15,46; Lc 23,53) không có sự kiện Thăng thiên.

Trong Nhất Lãm cũng có những mâu thuẫn với nhau. Xin sơ lược một số điểm chính:

Về gia phả của Chúa thì khác nhau như nước với lửa trong Mát-thêu và Lu-ca. Hai danh sách kê khai dòng tộc của Đức Kitô từ xa xưa gồm những nhân vật hoàn toàn khác nhau và người trực tiếp sinh ra Giuse (cha nuôi Chúa Giêsu) là Êli trong Lu-ca (3,23) nhưng là Giacóp trong Mát-thêu (1,16). Sứ thần Gabriel truyền tin cho Đức Maria theo Lu-ca (Lc 1,28-38), nhưng trong Mát-thêu lại truyền tin cho Thánh Giuse (Mt 1,20-24)

Giáng sinh diễn ra ở hai thời điểm và hoàn cảnh khác hẳn nhau. Theo Mát-thêu thì Chúa ra đời dưới thời Hê-rô-đê, trong một căn nhà (Mt 2,11) ở Bê-lem, có ngôi sao dẫn đường cho 3 vua đến thờ lạy, Hê-rô-đê sát hại các hài nhi trong vùng, Thánh Gia phải trốn qua Ai Cập cho tới khi Hê-rô-đê chết (năm thứ 4 trước Công nguyên theo Wikipedia) mới trở về Na-da-rét. Nhưng theo Lu-ca thì Chúa sinh ra dưới thời Quirinius làm tổng trấn xứ Syria (năm thứ 6 sau Công nguyên theo Wikipedia) trong một hang bò lừa, mục đồng đến thờ lạy, có thiên thần ca hát, đủ 8 ngày được cha mẹ đem dâng vào đền thờ để làm thủ tục theo luật định rồi đưa về Na-da-rét sinh sống.

Cùng chịu đóng đinh giống Chúa có 2 tên cướp, một tên cầu xin người cứu giúp, còn tên kia đã xỉ vả Người (Lc 23,39-43), nhưng theo Mát-thêu và Mác-cô thì cả 2 tên cướp đều xỉ vả Người (Mt 27,44; Mc 15,32); việc phát hiện ngôi mộ không còn xác Chúa bên trong cũng khác nhau trong mỗi Phúc Âm; địa điểm sau khi sống lại Chúa hiện ra với nhóm 11 môn đệ ở trên một ngọn núi miền Galilê theo Mát-thêu (Mt 28,16-20), khi họ đang dùng bữa ở Giê-ru-sa-lem miền Giu-đê theo Mác-cô (Mc 16,14), khi họ đang tụ tập trong nhà tại Giê-ru-sa-lem theo Lu-ca (Lc 24,33-36); địa điểm lên trời gần làng Bê-ta-ni-a ngoại ô Giê-

ru-sa-lem theo Lu-ca (Lc 24,50-53), nhưng ở trong nhà ngay tại Giê-ru-sa-lem theo Mác-cô (Mc 16,19-20).

Dưới đây là vài nhận xét thô thiển của người viết:

1. Ngôi sao gần Trái Đất nhất là mặt trời, không thể có một ngôi sao khác ngoài thái dương hệ xa Trái Đất hàng ngàn quang niên mà lại có thể gần và “dừng lại nơi con trẻ ở” (Mt 2,9) để dẫn đường cho ba vua vì như thế Trái Đất sẽ cháy thành than! Việc này chỉ có thể xảy ra với một bóng đèn pha sân khấu (spotlight) mà thôi. Nghe thần thoại quá!
2. Hê-rô-đê Cả là vị vua tàn bạo đã từng giết vợ và con, nhưng việc giết trẻ em từ 2 tuổi trở xuống ở Bê-lem và các vùng phụ cận thì tiểu sử của ông ta không ghi (Wikipedia), nếu việc đó xảy ra thật thì Đế quốc La Mã đã không để ông ta yên và chính người Do Thái cũng đã chống đối ông vì ông đã quá tàn bạo. Lịch sử Do Thái không thấy đề cập tới sự kiện này. Có vẻ đây chỉ là sản phẩm tưởng tượng của tác giả Tân Ước mà thôi.
3. Một phụ nữ mới sinh con phải đem con sơ sinh đi bộ hàng ngàn cây số từ ngoại ô Giê-ru-sa-lem băng qua sa mạc, đồi núi, vượt Biển Đỏ để tới Ai Cập là điều không thể xảy ra. Cũng đầy vẻ thần thoại!
4. Hoàn cảnh Giáng sinh trong Lu-ca và Mát-thêu phải là 2 hài nhi khác nhau, không thể là 1 trẻ vì thời điểm và diễn biến sự ra đời của hài nhi Giêsu mâu thuẫn nhau và cách nhau hàng chục năm.
5. Theo các nhà nhân chủng học (Wikipedia) thì loài người có vóc dáng như chúng ta ngày nay đã xuất hiện trên Trái Đất từ 6 tới 8 triệu năm rồi. Kê khai rõ ràng gia phả của Đức Kitô từ thủy tổ của loài người ông Adong là một điều khó tin vì không một ai có thể duy trì một gia phả lâu đời quá như vậy. Gia phả Chúa Giêsu rất đơn giản: Cha là Chúa Thánh Thần, mẹ là Đức Maria. Ngài không có một chút huyết thống nào với Thánh Giuse. Phúc Âm ghi gia phả tràng giang đại hải của Đức Kitô là một điều hoàn toàn bịa đặt.
6. Làm sao tác giả Phúc Âm có thể ghi lại được những cuộc đối thoại riêng tư như giữa Sứ thần Gabriel và Mẹ Maria, giữa Chúa và ma quỷ trong hoang địa, bài Magnificat của Đức Mẹ, Lời cầu nguyện thống thiết của Chúa trong vườn Ghết-sê-ma-ni trong khi các tông đồ ở xa Chúa và đang ngủ v.v.? Hoàn toàn do trí tưởng tượng của tác giả đã hư cấu ra những tình tiết này.
7. Chúa biến hình trên núi Ta-bo, khi các tông đồ tỉnh dậy thấy Chúa đang nói chuyện với Mô-sê và Ê-li-a. Làm sao các tông đồ nhận ra ông Mô-sê và Ê-li-a vì họ sống cách các ông hàng trăm ngàn năm trước? Lại bịa chăng!
8. Theo Gio-an thì chính Chúa tự vác thánh giá, nhưng Nhất Lãm lại nói có Simon vác thay, theo Lu-ca thì có 1 tên trộm lành: “Một trong hai tên gian phi bị treo trên thập giá cũng nhục mọ Người...,” (Lc 23,39) nhưng Mát-thêu và Mác-cô lại quả quyết cả 2 tên trộm đều dữ: “Cả những tên cướp cùng bị đóng đinh với Người cũng xỉ vả Người như thế” (Mt 27,44; Mc 15,32), vậy ai đúng, ai sai? Nếu đúng cả thì hóa ra giáo hội ta ba phải sao?

9. Đức Kitô trong Nhất Lãm: luôn muốn giấu căn tính của mình, yếu đuối, bị lụy, nhưng Đức Kitô trong Gio-an luôn tỏ rõ căn tính của mình là Thiên Chúa, Người đầy bản lĩnh. Tại sao cùng một nhân vật lại có cung cách tự mâu thuẫn như vậy? Cũng là do trí tưởng tượng của các tác giả chăng?
10. Theo Gio-an thì Chúa để lại bình an cho nhân loại: “Thầy để lại bình an cho anh em, Thầy ban cho anh em bình an của Thầy.” (Ga 14,27). Nhưng theo Mát-thêu thì ngược lại: “Anh em đừng tưởng Thầy đến đem bình an cho Trái Đất; Thầy đến không phải để đem bình an, nhưng để đem gươm giáo.” (Mt 10,34). Chúa tự mâu thuẫn với mình chăng?
11. Theo Nhất Lãm thì Chúa chỉ lên Giê-ru-sa-lem có một lần vào cuối thời gian rao giảng, Người nổi giận vì những sinh hoạt kinh tế diễn ra trong đền thờ, nhưng theo Gio-an thì sự kiện này xảy ra vào lúc Chúa bắt đầu đi rao giảng vì sau đó Người còn lên Giê-ru-sa-lem 4 lần nữa (Ga 2,13-17; 5,1-9; 7,10-30; 10,22-23; 12,12), Nhất Lãm thiếu sót nhiều quá!
12. Tiểu sử Phi-la-tô không có chi tiết nào về việc xử tội Đức Kitô (Wikipedia)
13. Hiện tượng lúc Chúa chết: động đất, mặt trời ngưng chiếu sáng trong hơn 3 giờ từ giờ thứ sáu tức 12 giờ trưa tới giờ thứ chín tức 3 giờ chiều (Lc 23,44-45) (cũng xin nói thêm là thời đó người Do Thái chia ngày ra thành 12 giờ tính từ lúc mặt trời mọc cho tới lúc mặt trời lặn, vì thế giờ thứ sáu tức là 12 giờ trưa của chúng ta ngày nay và giờ thứ chín tức 3 giờ chiều), mồ mả bật tung, kẻ chết sống lại vào Giê-ru-sa-lem thăm nhiều người (Mt 27,51-53) đã hoàn toàn không được ghi lại trong bất cứ tài liệu lịch sử hay thiên văn đương thời khách quan nào. Nếu mặt trời tối đen ở thời điểm nó nóng và sáng nhất trong ngày thì cả Trái Đất cũng tối đen chứ không chỉ riêng nơi Chúa bị đóng đinh mới thấy mặt trời tối đen trong 3 tiếng đồng hồ. Hàng ngàn năm trước khi Chúa sinh ra loài người đã tiến bộ lắm rồi. Sử gia Flavius Josephus sống tại Giê-ru-sa-lem gần như cùng thời với Đức Kitô đã ghi lại những biến động nổi bật tại Do Thái trong thời người La Mã đô hộ ở thế kỷ thứ nhất (Wikipedia), nhưng tuyệt nhiên ông không có một dòng nào liên quan tới Đức Kitô là nhân vật rất nổi tiếng khắp các miền như Phúc Âm tường thuật (Mt 4,23-25; Lc 6,17-19) và qua các sự kiện như: cho người chết sống lại như trường hợp anh La-da-rô (Ga 11,1-44), con gái vị thủ lãnh (Mt 9,18-26; Mc 5,21-43; Lc 8,40-56), chữa lành phong cùi, một bệnh mà với tiến bộ y khoa vượt bậc như ngày nay vẫn bó tay (Mt 8,1-3; Mc 1,40-45; Lc 5,12-14) cho người chết đội mồ sống lại đi thăm những người sống tại Giê-ru-sa-lem (Mt 27,52-53). Ấy vậy mà lịch sử Do Thái không thấy ghi lại những sự kiện kinh thiên động địa có một không hai này.
14. Các Phúc Âm không hề có chi tiết Chúa ngã 3 lần vì vác Thánh Giá nặng, cũng không có nhân vật Veronica trao khăn cho Chúa lau mặt như 14 Đàng Thánh Giá mô tả. Ai bịa ra vậy? Dù là do Thánh hay Tông Truyền thì cũng là do loài người thêm vào để cường điệu nỗi thống khổ của Chúa nhằm gia tăng lòng trắc ẩn của tín đồ.

MỘT VÀI NHẬN XÉT CỦA BAN BIÊN TẬP:

1. Người ‘giáo dân khát khao chân lý’ đưa ra khá nhiều câu hỏi và nhận xét. Có thể dễ dàng thấy rằng danh sách câu hỏi trải dài từ Cựu Ước đến Tân Ước, nhưng hầu như chỉ tập trung vào những trình thuật lịch sử, các chi tiết kể chuyện, niên đại, gia phả hay cách mô tả cùng một biến cố. Nói cách khác, người này dừng ở sách 2 Samuel, trong khi Cựu Ước không phải chỉ là bộ sách của các câu chuyện. Đến Tân Ước cũng vậy, người này dừng ở bốn Phúc Âm chứ không đọc tiếp các sách hoặc thư khác. Điều này cho thấy trọng tâm của người giáo dân ‘khát khao chân lý’ không phải là nội dung mặc khải mà là những vấn đề thuộc thể loại văn chương, lịch sử và phương pháp biên soạn của các bản văn.

2. Người này dường như không trực tiếp đọc kỹ bản văn Thánh Kinh, hoặc nếu có đọc thì cũng chưa đặt trong toàn bộ văn mạch của nó. Chẳng hạn, với vấn đề ai đã giết Gô-li-át – Đavít hay En-kha-nan – thì chỉ cần đọc kỹ sẽ thấy đây là hai đoạn văn thuộc hai bối cảnh khác nhau, phản ánh những truyền thống thuật lại khác nhau. Tương tự, việc Đức Giêsu sinh ra trong hoàn cảnh nào theo Mát-thêu (liên quan đến biến cố Hê-rô-đê và việc chạy trốn, kéo dài đến khi “hài nhi” được khoảng hai tuổi) và theo Lu-ca (các chi tiết liên quan đến việc cắt bì vào ngày thứ tám và trình dâng trong Đền Thờ) cũng là những trình thuật có nhấn mạnh và mục đích tường thuật khác nhau.

Trong khi đó, hầu như không có câu hỏi nào được đặt ra về những giáo huấn cốt lõi của Kinh Thánh như Mười Điều Răn, Bài Giảng trên Núi, giới răn yêu thương, các dụ ngôn, hay ý nghĩa cứu độ của cuộc khổ nạn và phục sinh. Điều này cho thấy trọng tâm của cách đọc Kinh Thánh ở đây không đặt nơi nội dung đức tin, mà chủ yếu xoay quanh những khác biệt trong chi tiết tường thuật các biến cố – hay nói một cách bình dân, là khuynh hướng “bói lông tìm vết”.

3. Nhiều lập luận dường như được tổng hợp từ các nguồn thứ cấp hơn là từ việc đọc toàn bộ bản văn Kinh Thánh trong văn mạch của nó. Chẳng hạn, khi nói về Horus, Mithra, Attis, Krishna hay Buddha, tác giả chỉ dẫn “theo Wikipedia” rồi kết luận rằng Đức Kitô “na ná” các thần thoại trước đó, nhưng không phân tích độ tin cậy của từng nguồn hay những khác biệt căn bản giữa các truyền thống tôn giáo ấy. Tương tự, khi nhắc đến Flavius Josephus, Hê-rô-đê hay các nhà nhân chủng học, người này chỉ trích dẫn những chi tiết có lợi cho lập luận mà không bàn đến những tranh luận học thuật xoay quanh các nguồn này.

4. Các câu hỏi nhiều lần mặc nhiên giả định rằng nếu hai bản văn không hoàn toàn giống nhau thì một trong hai phải sai hoặc cả hai đều là hư cấu. Chẳng hạn, từ việc 1 Samuel nói Đavít giết Gô-li-át còn 2 Samuel nhắc đến En-kha-nan, tác giả đi thẳng đến câu hỏi “ai đúng, ai sai?”. Từ việc Gio-an ghi Đức Giêsu tự vác thập giá còn các Tin Mừng Nhất Lãm kể ông Simon vác giúp, tác giả cũng đặt vấn đề theo cùng một lối tư duy. Tuy nhiên, sự khác biệt giữa các bản văn không tự động dẫn đến kết luận rằng chúng loại trừ nhau;

đó chính là điều cần được khảo sát bằng chú giải Kinh Thánh chứ không thể coi là tiền đề hiển nhiên.

5. Nhiều câu hỏi thực ra không còn là câu hỏi mở mà đã hàm chứa sẵn một kết luận. Sau khi nêu vấn đề, tác giả thường thêm những nhận xét như “nghe thần thoại quá”, “hoàn toàn bịa đặt”, “do trí tưởng tượng của tác giả”, “Giáo Hội ta ba phải”, hoặc “lại bịa chăng?”. Những cách diễn đạt này cho thấy người viết không chỉ tìm kiếm lời giải mà còn chủ động hướng người đọc đến một phán quyết đã được hình thành từ trước.

KẾT LUẬN

Băn khoăn và thắc mắc là biểu hiện tự nhiên của một trí tuệ sống động nơi con người – “cây sậy biết suy nghĩ”. Chính nhờ khả năng đặt câu hỏi và tìm kiếm mà nhân loại đã phát triển khoa học, triết học, nghệ thuật và toàn bộ nền văn minh. Tuy nhiên, không phải mọi câu hỏi đều tự động dẫn đến chân lý. Có những thắc mắc giúp con người tiến gần hơn đến sự thật, nhưng cũng có những hoài nghi nếu không được định hướng đúng có thể khiến người ta xa rời hoặc đánh mất niềm tin vào chân lý.

Vấn đề vì thế không nằm ở việc người đọc có hay không có thắc mắc khi tiếp cận Kinh Thánh, mà nằm ở cách những thắc mắc ấy được hình thành và triển khai. Khi một loạt câu hỏi chỉ tập trung vào các chi tiết tường thuật, tách rời khỏi bối cảnh văn chương và mục đích thần học của bản văn, đồng thời đi kèm những kết luận đã định sẵn như “không thể dung hòa”, “bịa đặt”, “thần thoại” hay “trí tưởng tượng”, thì ranh giới giữa tìm kiếm sự thật và củng cố một định kiến có sẵn trở nên rất mong manh.

Để hiểu ranh giới mong manh giữa hoài nghi dẫn đến hủy diệt và băn khoăn dẫn đến trưởng thành, cần trở lại hai khu vườn mang tính bản lề của lịch sử cứu độ: Vườn Êđen và Vườn Ghết-sê-ma-ni.

- Êđen: Hoài nghi bị thao túng và sự đổ vỡ của tương quan

Trong câu chuyện Sáng Thế, sự hoài nghi của Adam và E-và không tự nhiên nảy sinh như một truy vấn triết học, nhưng bị kích hoạt bởi lời thì thầm mang tính thao túng của con rắn: “Có thật Thiên Chúa đã dặn...?”

Đây là kiểu hoài nghi phá hủy cấu trúc. Con rắn không dẫn họ đến chân lý, nhưng gieo vào lòng họ nghi ngờ về lòng nhân lành của Thiên Chúa, khiến họ nghĩ rằng Ngài đang giấu họ một điều tốt đẹp.

Bị kích không chỉ nằm ở việc họ nghi ngờ, mà ở cách họ xử lý nghi ngờ ấy: thay vì đối thoại với Thiên Chúa, họ chọn hành vi chiếm đoạt. Họ tự mình quyết định thiện ác, tách khỏi nguồn cội chân lý. Hệ quả là sa ngã, hổ thẹn và bị trục xuất – không phải vì họ đặt câu hỏi, mà vì họ cắt đứt tương quan.

- Ghết-sê-ma-ni: Băn khoăn được chuyển hóa trong cầu nguyện

Ngược lại, tại Vườn Ghết-sê-ma-ni, Đức Giêsu cũng đối diện với bản khoăn và sợ hãi tột cùng trước chén đắng khổ hình. Ngài thốt lên lời cầu xin: “Cha ơi, nếu có thể được, xin cho chén này rời khỏi con.” Đây là biểu hiện rất người của sự sợ hãi và giằng co nội tâm.

Nhưng thay vì rút lui, Ngài đặt trọn sự bản khoăn vào trong tương quan với Chúa Cha: “Tuy nhiên, không theo ý con, nhưng theo ý Cha.”

Hoài nghi và sợ hãi không bị xóa bỏ, nhưng được biến đổi thành vâng phục và tình yêu. Chính trong đối thoại ấy, bản khoăn trở thành đỉnh cao cứu độ.

Người Kitô hữu không từ bỏ lý trí hay những câu hỏi, nhưng luôn dùng lý trí trong ánh sáng đức tin. Chúng ta được mời gọi tìm kiếm, suy tư và học hỏi không ngừng, đồng thời luôn nhớ lời Đức Giêsu: “Thầy là Đường, là Sự Thật và là Sự Sống” (Ga 14,6). Khi mọi câu hỏi của cuộc đời quy hướng về Đức Kitô, những bản khoăn của con người sẽ trở thành con đường dẫn đến chân lý và sự sống đời đời.

Chúng ta cần luôn ghi nhớ là hành trình tìm kiếm chân lý không chỉ là hành trình của lý trí, mà còn là hành trình của đức tin, của kinh nghiệm sống và của sự khiêm tốn trước những thực tại vượt quá giới hạn hiểu biết của chính mình.

Một câu chuyện ngụ ngôn cổ của Ê-dốp có thể giúp làm rõ điều này. Có con cáo nhìn thấy chùm nho chín mọng trên cao, nhưng sau nhiều lần cố gắng không với tới được, nó liền bỏ đi và tự nhủ rằng “chùm nho còn xanh, chắc chẳng ngon lành gì”. Trong trường hợp ấy, vấn đề không còn nằm ở chùm nho, mà ở cách con cáo diễn giải thất bại của mình thành một kết luận phủ định về đối tượng. Điều tương tự cũng có thể xảy ra trong cách tiếp cận tri thức: khi không tiếp cận được toàn bộ bối cảnh hoặc không giải thích được một hiện tượng, con người có thể bị cảm dỗ biến giới hạn hiểu biết của mình thành một phán quyết dứt khoát về bản chất sự vật. Vì thế, điều quan trọng không chỉ là đặt câu hỏi, mà còn là thái độ khi đi tìm câu trả lời: liệu đó là một tiến trình mở ra cho sự thật, hay chỉ là một cách hợp lý hóa sẵn một kết luận đã hình thành từ trước.